|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Kiên Giang** | | **Họp tổng kết kiểm toán** |
| *Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 10 năm 2022* | | |
|  | | |
| **Địa điểm:** | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam  Chi nhánh Kiên Giang | |
|  |  | |
| **Thời gian:** | Ngày 25 tháng 11 năm 2022 | |
|  | | |
| **Thành phần**  **tham dự cuộc họp:** | ***Đại diện Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam  Chi nhánh Kiên Giang***  Ông Nguyễn Đức Đông – Phó Giám đốc Chi nhánh  Bà Đinh Thùy Trang – Trưởng phòng Kế toán  Ông Trần Thanh Hùng – Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp  Ông Nhan Trường Phúc – Trưởng phòng Khác hàng Bán lẻ  Ông Trần Văn Thuận – Trưởng phòng Quản lý nợ  Ông Phạm Văn Mậu – Phó Trưởng phòng PT.PGD Rạch Giá  Ông Nguyễn Tuấn Anh - Phó Trưởng phòng PT.PGD Rạch Sỏi  ***Đại diện Công ty Kiểm toán Ernst & Young***  Bà Hoàng Thị Hồng Minh – Giám đốc kiểm toán  Ông Trần Nhật Duy – Trưởng đoàn kiểm toán  Bà Trần Diệu Hồng Anh – Thành viên  Bà Vũ Lê Thùy Linh – Thành viên  Bà Nguyễn Diệu Linh – Thành viên | |

Là một phần trong kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) cho năm tài chính 2022, và kiểm toán hoạt động Hệ thống kiểm soát nội bộ theo yêu cầu của Thông tư 39/2011/TT-NHNN và Thông tư 24/2021/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 39, đoàn kiểm toán đã làm việc tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang (“Chi nhánh”) trong thời gian từ ngày 21 tháng 11 năm 2022 đến ngày 25 tháng 11 năm 2022. Trong quá trình làm việc tại đơn vị, đoàn kiểm toán đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cán bộ, phòng ban tại Chi nhánh.

Nội dung kiểm toán các Báo cáo tài chính và kiểm toán hoạt động Hệ thống kiểm soát nội bộ:

* Thu thập các văn bản liên quan đến quy trình chính sách của Ngân hàng và văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động tín dụng của Chi nhánh, phỏng vấn các cán bộ và phòng ban liên quan đến hoạt động tín dụng;
* Rà soát chất lượng tín dụng và công tác phân loại nợ trích lập dự phòng đối các khách hàng có dư nợ từ 20 tỷ đồng trở lên tại 31/10/2022 và các khách hàng chọn mẫu có dự nợ dưới 20 tỷ đồng.

Theo đánh giá của chúng tôi, hoạt động tín dụng cũng như công tác phân loại nợ và trích lập dự phòng của Chi nhánh Kiên Giang đã được thực hiện theo đúng các hướng dẫn của Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc tại Chi nhánh, đoàn kiểm toán có lưu ý một số vấn đề dưới đây.

1. **Các vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng**

Trong quá trình làm việc tại Chi nhánh, đoàn kiểm toán đã xem xét hồ sơ tín dụng của 37 khách hàng vay chọn mẫu có tổng dư nợ trên 20 tỷ VNĐ và 03 khách hàng có dư nợ dưới 20 tỷ có phân loại nhóm nợ từ nhóm 2 tới nhóm 5 (Ông Trần Văn An – CIF 6207130 – nhóm 2; Công ty TNHH TK-XD Khương Anh – CIF 3756506 – nhóm 4 và Bà Phạm Thị Diễm Tuyết – CIF 5282831 – nhóm 5) tại ngày 31 tháng 10 năm 2022, chúng tôi đã xem xét và đánh giá thực tế những khía cạnh sau:

* Tình hình tài chính, phi tài chính của khách hàng vay;
* Tình hình thanh toán nợ gốc và lãi của khách hàng;
* Hồ sơ tài sản bảo đảm (“TSBĐ”) của khách hàng;
* Xem xét việc tuân thủ của chi nhánh đối với các quy trình cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và của Ngân hàng Nhà nước;
* Các tiêu chí khác.

**Danh sách các khách hàng vay được xem xét** được trình bày trong **Phụ lục 1**, **Danh sách các khoản vay đề nghị điều chỉnh TSBĐ** được trình bày trong **Phụ lục 2** và **Danh sách các khoản vay đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu** được trình bày trong **Phụ lục 3**

**1. Khách hàng doanh nghiệp**

**Công ty Cổ phần Hòa Giang Phú Quốc**:

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số 1701971410, đăng ký lần đầu vào ngày 09 tháng 09 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 06 tháng 09 năm 2022. Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 0125/16/BD01/PQ ký ngày 30 tháng 8 năm 2016 với ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang, với hạn mức là 276.300.000.000 VND và hợp đồng thế chấp số 0006B/16/VCB-HGPQ ký ngày 30/08/2016 và 0007B/16/VCB-HGPQ ký ngày 30/08/2016 Mục đích vay để đầu tư dự án “Khu Resort Hòa Bình”. Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2017 tuy nhiên đến hiện tại vẫn chưa hoàn thành và đi vào hoạt động, dẫn đến Công ty không có doanh thu hay nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh. Công ty vẫn thanh toán đủ gốc lãi trong thời hạn quy định. Nguồn tiền từ các Cổ đông chuyển vào tài khoản thanh toán để duy trì việc trả nợ gốc lãi

Các chi nhánh liên quan đến hợp đồng tín dụng trên:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chi nhánh** | **Giá trị giải ngân** |
| 009 - KIÊN GIANG (đầu mối) | 102.143.400.000 VND |
| 026 – THỦ THIÊM | 102.143.400.000 VND |
| 101 - PHÚ QUỐC | 24.913.200.000 VND |

***a) Tình hình tài chính, phi tài chính của khách hàng vay***;

- Công ty chưa cung cấp được báo cáo tài chính trong hai năm liên tiếp là năm 2020 và năm 2021. Theo báo cáo tài chính mà Đơn vị cung cấp cho kiểm toán viên chúng tôi:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **2019**  **(đã kiểm toán)** | **2021**  **(chưa kiểm toán)** | **‘09/2022**  **(chưa kiểm toán)** |
| Tổng Tài Sản | 496 | 562 | 580 |
| *Trong đó: Chi phí xây dựng cở bản dở dang* | *393* | *490* | *508* |
| Nợ Phải Trả | 365 | 328 | 347 |
| Vốn Chủ Sở Hữu | 131 | 234 | 233 |
| Doanh thu | 4,4 | 0 | 0 |
| Lỗ kế toán | (6,7) | (0) | (0) |



**b) Chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Kết quả chấm điểm** |
| Bộ chỉ tiêu CR của khách hàng | Khách hàng DN mới thành lập |
| 1.1. Khả năng tổ chức thực hiện và giám sát dự án/hd sxkd | Doanh nghiệp có bộ phận chuyên trách kiểm soát chi phí dự án, lịch trình thực hiện dự án, chất lượng dự án. Bộ phận này hoạt động độc lập hoặc là tư vấn bên ngoài, có báo cáo thường xuyên về kiểm soát dự án và hoạt động hiệu quả |
| 1.2. Năng lực, trình độ, kinh nghiệm của cổ đông/thành viên góp vốn vào doanh nghiệp liên quan đến dự án kinh doanh | Bình thường |
| 1.3. Mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp trong giai đoạn từ 1 đến 3 năm tới | Có mục tiêu và kế hoạch kinh doanh, tuy nhiên tính khả thi trong 1 số trường hợp còn hạn chế |
| 1.4. Mức độ nghiên cứu khảo sát thị trường về sản phẩm đầu ra của phương án kinh doanh theo đánh giá của CBTD | Đã nghiên cứu và lượng hóa được phần lớn các thông tin về giá cả, chủng loại, sản phẩm cùng loại trên thị trường và thị hiếu, nhu cầu của người tiêu dùng. |
| 1.5. Mức độ quan tâm của DN cho xây dựng thương hiệu và mạng lưới phân phối theo đánh giá của CBTD | Quan tâm nhưng không có kế hoạch cụ thể |
| 1.6. Đánh giá về công tác xử lý chất thải và giảm thiểu mức độ ô nhiễm môi trường của doanh nghiệp | Đạt tiêu chuẩn hoặc DN không bị chi phối bởi chi tiêu này do đặc thù hoạt động của DN |
| 1.7. Đánh giá về công tác Phòng cháy chữa cháy, an ninh, an toàn lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm | Đạt tiêu chuẩn |
| 1.8. Mức độ bảo hiểm tài sản.Đánh giá trên: Tổng số tiền bảo hiểm từ các HĐBH/ (Giá trị tài sản cố định + Hàng tồn kho) của doanh nghiệp (%). | > =70% |
| 1.9. Tính hợp lý của các khoản chi tiêu của doanh nghiệp | Chi tiêu có khoản không hợp lý hoặc vượt trên 10% kế hoạch |

**c) Hồ sơ tài sản bảo đảm (“TSBĐ”) của khách hàng:**

- TSĐB là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của khu dự án “Khu resort Hòa Bình”. Biên bản định giá tại ngày 08/11/2021. Giá trị ghi trên hồ sơ định giá:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tài sản đảm bảo** | **Giá trị** | **Biên bản**  **định giá** |
| BDS CD881839 DAT (0008927960/0125)  DUONG BAO, DUONG TO, PQ. DT:7.508,1M2 | 143.029.000.000 | Ngân hàng tự định giá |
| BDS CD881838 DAT (0008927960/0125)  DUONG BAO, DUONG TO, PQ. DT:18.545,6M2 | 353.293.000.000 | Ngân hàng tự định giá |
| BDS HTTTL GPXD:27/GPXD (0008927960/0125) DUONG BAO, DUONG TO, PQ. DT:18.545,6M2 | 623.583.000.000 | Ngân hàng tự định giá |

**Ý kiến của đoàn kiểm toán**

a) Chi nhánh chưa thu thập đủ các báo cáo tài chính đã được kiểm toán để có thể đánh giá chính xác thông tin tài chính của doanh nghiệp trên hệ thống xếp hàng tín dụng nội bộ. Về thông tin tài chính, qua đánh giá kiểm toán viên chúng tôi nhận thấy doanh nghiệp chưa thể đưa dự án vào hoạt động dù dù đã quá thời gian kế hoạch và hiện tại cũng chưa có phương án để hoàn thành dự án.

b) Chi nhánh đang xác định các chi tiêu thuộc hệ thống XHTDNB chưa phù hợp:

- Doanh nghiệp đã thành lập từ năm 2014 nhưng đến năm 2022 vẫn sự dụng chỉ tiêu “Khách hàng DN mới thành lập”. Dẫn đến việc không đánh giá hết được các chỉ tiêu tài chính lên báo cáo xếp hạng tín dụng.

- Mặc dù dự án đang bị đình trệ, cũng chưa xác định được ngày hoàn thành dự án và đưa vào hoạt động, Chi nhánh vẫn đánh giá là “Doanh nghiệp có bộ phận chuyên trách kiểm soát chi phí dự án, lịch trình thực hiện dự án, chất lượng dự án. Bộ phận này hoạt động độc lập hoặc là tư vấn bên ngoài, có báo cáo thường xuyên về kiểm soát dự án và hoạt động hiệu quả;”

Từ a và b=> Chi nhánh chưa đánh giá chính xác hiệu quả của dự án và khả năng thu hồi lại khoản tín dụng này.

c) Liên quan đến giá trị của tài sản đảm bảo, theo khoản (i) điều 12 thông tư 11/2021/TT-NHNN về việc phải thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật để xác định giá trị tài sản bảo đảm được khấu trừ khi tính số tiền trích lập dự phòng cụ thể cuối năm tài chính trong các trường hợp sau đây: Tài sản bảo đảm mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài định giá trừ 200 tỷ trở lên. Tuy nhiên Chi nhánh mới chỉ tự lập biên bản định giá tài sản đảm bảo vào ngày 08 tháng 11 năm 2021.

=> Chi nhánh chưa tuân thủ quy định của ngân hàng nhà nước về việc định giá tài sản bảo đảm.

**Ý kiến của Chi nhánh Vietcombank – Kiên Giang**

* Công ty đã cung cấp báo cáo tài chính năm 2020, 2021 (báo cáo thuế) được lưu trong hồ sơ tín dụng.

1. Liên quan BCTC của KH gởi cho VCB, không có quy định bắt buộc BCTC KH gởi cho VCB là BCTC có kiểm toán, trường hợp KH gởi BCTC nộp thuế, KH có cam kết với VCB BCTC Khách hàng gởi cho VCB là BCTC khách hàng nộp thuế.
2. Theo quy định về chấm điểm XHTD nội bộ tại VCB, KH được chấm điểm theo Bộ tiêu chí Khách hàng Doanh nghiệp mới thành lập khi:

+ Khách hàng Doanh nghiệp chưa có BCTC đủ 02 năm kể từ khi có doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc

+ Trường hợp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, khách hàng có thời gian gián đoạn (không có doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh từ 01 năm trở lên).

* Trường hợp này Công ty có doanh thu bị gián đoạn 🡺 chấm theo Bộ tiêu chí KH DN mới thành lập là phù hợp quy định nội bộ VCB.
* Tuy dự án chưa đưa vào hoạt động nhưng việc theo dõi, kiểm soát chi phí dự án, lịch trình dự án vẫn được cập nhật và theo dõi trong suốt quá trình đầu tư dự án. Dự án chưa đưa vào hoạt động có nhiều nguyên nhân khách quan.
* Mặc dù dự án chưa đưa vào hoạt động, trong thời gian dịch bệnh Covid 19 vừa qua Khách hàng vẫn thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi vay. Hiện tại, các khoản vay đến hạn (gốc + lãi) đều được khách hàng thanh toán đầy đủ (đã trả hết gốc đến hạn tháng 11/2022 và lãi đến hạn tháng 10/2022). Khách hàng rất có thiện chí trả nợ và có trách nhiệm đối với các khoản nợ của KH tại VCB.
* Công ty đang liên hệ TCTD khác để tái cấu trúc lại vốn, tuy nhiên do Room tín dụng thời gian vừa qua nên chưa được phê duyệt, dự kiến qua năm 2023 Công ty sẽ được phê duyệt tái cấu trúc vốn, thanh toán toàn bộ nợ gốc + lãi cho VCB.

1. Liên quan định giá tài sản:

* Đối với TSHTTTL: Chi nhánh được tự định giá, tài sản được định giá theo giá dự toán.
* **Đối với TS là QSDĐ: do năm 2021 dịch bệnh Covid 19 bùng phát mạnh tại TP. HCM vào tháng 4, 5/2021 và các tỉnh phía Nam, thực hiện giãn cách xã hội nên việc yêu cầu TĐG độc lập thực hiện TĐG trong giai đoạn này rất khó khăn. Do đó, Chi nhánh tự định giá theo giá chứng thư TĐG năm 2020 (theo hướng thận trọng Chi nhánh đã định giá thấp hơn giá chứng thư 2020 là 25%).**

Theo Quyết định số 109/QĐ ngày 15/01/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về Hướng dẫn thực hiện Chính sách bảo đảm tín dụng:

6.3.2. Các TSBĐ sau đây bắt buộc phải thuê TĐG

a) TSBĐ bắt buộc phải thuê TĐG để được khấu trừ khi tính trích lập DPRR cụ thể theo quy định của Ngân hàng nhà nước, bao gồm:

- Một/các TSBĐ có giá trị/tổng giá trị từ 50 tỷ đồng trở lên bảo đảm cho một khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của VCB và các đối tượng hạn chế cấp tín dụng theo quy định tại Điều 127 Luật các TCTD;

- Một/các TSBĐ có giá trị/tổng giá trị từ 200 tỷ đồng trở lên bảo đảm cho một khoản nợ của khách hàng.

Tuy nhiên, Theo Quyết định số 1964/QĐ-VCB-QLRRTD ngày 09/11/2021 “V/v Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 109/QĐ ngày 15/01/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về Hướng dẫn thực hiện Chính sách bảo đảm tín dụng. Theo đó:

Tiết a) điểm 6.3.2 khoản 6.3 Điều 6 được sửa đổi như sau:

“a) TSBĐ phải thuê TĐG để xác định giá trị TSBĐ được khấu trừ khi tính số tiền trích lập DPRR cụ thể theo quy định của Ngân hàng Nhà nước quy định tại hính sách phân loại nợ tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng của VCB”

Đồng thời, Khách hàng không thống nhất với Ngân hàng V/v thuê tổ chức thẩm định giá để thẩm định lại tài sản.

* Do đó Chi nhánh tiến hành tự định giá theo phương pháp so sánh thị trường kết hợp Chứng thư thẩm định giá trước đây để tính toán giá trị tài sản là phù hợp với quy định nội bộ VCB.

**2. Khách hàng cá nhân**

Qua việc kiểm tra 10 hồ sơ liên quan đến các cá nhân, đoàn kiểm toán chúng tôi nhận thấy một số vấn đề liên quan đến kiểm soát nội bộ như sau:

**a) Khách hàng nợ nhóm 2 và nhóm 5**

Liên quan đến hồ sơ của hai khoản tín dụng liên quan đến hai khách hàng là:

Ông Trần Văn An – CIF 6207130 – nhóm 2

Bà Phạm Thị Diễm Tuyết – CIF 5282831 – nhóm 5

Chúng tôi nhận thấy các khoản tín dụng trên đều được cấp cho mục đích mua bán, nhà dự án, mua đất, bù đắp thành toán mua bất động sản. Quy trình lập báo cáo thẩm định đề xuất cho vay không phù hợp trong việc xác định tình hình tài chính của khách hàng từ hoạt động kinh doanh. Không thu thập được các bằng chứng liên quan đến số liệu thu nhập của khách hàng. Dẫn đến việc không trả được gốc lãi đúng hạn.

**Ý kiến của đoàn kiểm toán**

Chi nhánh cần thu thập đầu đủ và chính xác các thông tin về khách hàng, nhất là thông tin về tình hình tài chính, thu nhập (sao kê ngân hàng tiền vào từ hoạt động kinh doanh, thu nhập từ lương thưởng, thu nhập từ hoạt động cho thuê bất động sản …) của họ đối với các khoản vay phục vụ mục đích mua bán bất động sản. Chi nhánh cần tăng cường kiểm soát, theo sát khách hàng và thường xuyên đánh giá khả năng thu hồi nợ để kịp thời xử lý.

**Ý kiến của Chi nhánh Vietcombank – Kiên Giang**

Đối với các khách hàng cá nhân, HKD thực tế đa số đều ít ai có đầy đủ sổ sách kế toán, việc ghi chép thì sơ sài, việc thẩm định tình hình tài chính chủ yếu dựa vào giấy đăng ký kinh doanh và thẩm định thực tế cơ sở kinh doanh để xác định quy mô kinh doanh cũng như tình hình tài chính, thu nhập của khách hàng. Cụ thể :

1. Ông Trần Văn An – CIF 6207130 – nhóm 2 :

- Khách hàng vay vốn kinh doanh nhà nghỉ, quán cà phê, khu vui chơi trẻ em.

- Nguyên nhân nợ nhóm 2: Do thời điểm 30/9 bị CIC kéo theo của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, đến 31/10 đã trả về nhóm 1.

2. Bà Phạm Thị Diễm Tuyết – CIF 5282831 – nhóm 5

- Khách hàng kinh doanh mua bán hải sản các loại theo GCN ĐKKD số: 56A 8017807 do UBND TP. Rạch giá cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/03/2015

- Quy trình lập báo cáo thẩm định đề xuất cho vay hoàn toàn phù hợp trong việc xác định tình hình tài chính của khách hàng từ hoạt động kinh doanh.

- Nguyên nhân khách hàng không trả được gốc lãi đúng hạn: Trước đây, KH kinh doanh có hiệu quả, thanh toán gốc và lãi vay đúng hạn. Tuy nhiên, Khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát từ đầu năm 2021 đến tháng 06/2021, mặc dù tình hình kinh doanh có chút khó khăn nhưng khách hàng vẫn xoay sở được dòng vốn và thanh toán gốc và lãi vay đầy đủ và đúng hạn cho Ngân hàng. Kể từ thời điểm tháng 07/2021 đến nay, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Chính quyền địa phương áp dụng Chỉ thị 16 của Chính phủ kéo dài, các cơ sở kinh doanh phải đóng cửa, việc đi lại hạn chế tối đa. Các Công ty, Xí nghiệp thu mua cũng giảm sản lượng mua vào do giảm công nhân lao động, … Từ những lý do trên làm cho giá bán bình quân các loại hải sản giảm trung bình trên 30% và doanh thu giảm trung bình gần 50% và lợi nhuận giảm trung bình trên 90% so với thời điểm năm 2020.

- KH có thiện chí hợp tác với Ngân hàng bán bớt TS để trả nợ (từ 14.652 triệu đồng xuống còn 12.237 triệu đồng), hiện tại tiếp tục rao bán TS để trả nợ. Hiện đang trong giai đoạn thi hành án.

**b) Khách hàng nợ nhóm 1**

Liên quan đến 8 bộ hồ sơ (\*) còn lại, chúng tôi nhận thấy:

a) Chi nhánh không xuất được dữ liệu lịch sử chấm điểm xếp hạng rủi ro tín dụng (CR Rank) cho cả 8 khách hàng cá nhân trước khi trình hồ sơ cấp tín dụng tại thời điểm kiểm tra.

b) Các hồ sơ tín dụng còn sơ sài, mua hàng hóa số lượng lớn với giá trị cao, nhưng không có hợp động kinh doanh kèm theo, chứng từ thanh toán, tách nhỏ các lần giải ngân trong một thời gian ngắn, nhưng cùng một đối tượng có tài khoản tại Vietcombank – CN Kiên Giang đối với các hợp đồng ngắn hạn bổ sung vốn lưu động.

c) Các khách hàng thường tồn tại hai loại hợp đồng:

(i) hợp đồng tín dụng ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh;

(ii) hợp đồng thanh toán tiền mua nhà dự án, mua đất, bù đắp thanh toán mua bất động sản;

*(\*) (Danh sách kèm theo: Xem phụ lục 1 – Danh sách khách hàng)*

**Ý kiến của đoàn kiểm toán**

a)

*”*

Kiểm toán viên chúng tôi nhận thấy Chi nhánh chưa thực hiện đúng quy trình bắt buộc về việc thẩm định cấp việc cấp tín dụng các KHCN mà nội bộ Ngân hàng VCB yêu cầu.

=> Ngân hàng cần kiểm tra lại quy trình cấp tín dụng đối với các khách hàng này.

b) *“Theo quyết định số 2507/QĐ-VCB-QLRRTD ngày 28/12/2018 về quy trình tín dụng với khách hàng cá nhân:*

Kiểm toán viên chúng tôi nhận thấy Chi nhánh chưa thực yêu cầu bắt buộc về hồ sơ giải ngân cho các khoản cấp tín dụng ngắn hạn của KHCN mà nội bộ Ngân hàng VCB yêu cầu.

=> Ngân hàng cần kiểm tra lại quy trình giải ngân các khoản tín dụng đối với các khách hàng này.

c) Đối với những khách hàng tồn tại hai hợp đồng trên, kiểm toán viên chúng tôi nhận thấy thiếu các bằng chứng về việc tồn tại các giao dịch dân sự nêu trên.

=> Chúng tôi kiến nghị ngân hàng VCB – Chi nhánh Kiên Giang kiểm tra mục địch sử dụng vốn của khách hàng có chính xác như trên hợp đồng.

**Ý kiến của Chi nhánh Vietcombank – Kiên Giang**

- Các khoản vay khách hàng tại chi nhánh được thực hiện đúng quy trình bắt buộc về việc thẩm định việc cấp tín dụng các KHCN mà nội bộ Ngân hàng VCB yêu cầu, cụ thể là việc chấm điểm xếp hạng tín dụng. Nội dung này cũng được thể hiện rõ trong Báo cáo thẩm định cho vay và trên kết quả hỏi tin CIC cũng thể hiện về điểm xếp hạng tín nhiệm của khách hàng.

- Về quy trình giải ngân vốn vay được chi nhánh tuân thủ các quy định của Pháp luật và của NHNN về giải ngân vốn vay. Tuy nhiên, chứng từ giải ngân của khách hàng cá nhân còn sơ sài là do đặc điểm chung của cá nhân kinh doanh/hộ kinh doanh không có kế toán, hoạt động kinh doanh ít được ghi chép cẩn thận, mua bán với nhau chỉ có biên nhận tay hoặc hóa đơn bán lẻ. Ít khi có đầy đủ hợp đồng mua bán, hóa đơn tài chính.

* **Khách hàng NGUYỄN THỊ PHƯƠNG (CIF : 5235482) của P**GD Rạch Sỏi: có chấm điểm xếp hạng rủi ro tín dụng cho khách hàng Nguyễn Thị Phương, tuy nhiên việc chấm điểm này diễn ra sau khi trình hồ sơ cấp tín dụng. Cụ thể là Tờ trình ngày 16/12/2021, tuy nhiên việc chấm điểm khách hàng là ngày 17/12/2021. PGD Rạch Sỏi sẽ nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc trình các hồ sơ sau.
* **Khách hàng Mong Xuân Hoa của PGD Hà Tiên**:
* PGD Hà Tiên đều đã chấm điểm xếp hạng tín dụng khách hàng trên hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của VCB.
* Đối với các hợp đồng đã cấp tín dụng cho khách hàng Mong Xuân Hoa PGD đã làm đúng theo quy trình giải ngân. (Có đầy đủ các giấy tờ chứng minh mục đích sự dụng vốn vay liên quan đến lần giải ngân).
* Đối với các hợp đồng đã giải ngân cho khách hàng Mong Xuân Hoa PGD đều yêu cầu khách hàng cung cấp các bằng chứng về việc tồn tại các giao dịch dân sự. Cụ thế:
* Đối với hợp đồng vay mua đất ba bên: PGD đã thu nhập hợp đồng đặt cọc, Giấy biên nhận tiền, Hợp đồng chuyển nhượng trước khi giải ngân
* Đối với hợp đồng vay ngắn hạn: PGD đã thu thập các chứng từ mua bán hàng của khách
* **Các khách hàng của P.KHBL:**

+ Về nội dung hồ sơ giải ngân: Do khách hàng cá nhân giao dịch theo hình thức mua bán – thanh toán giao ngay nên rất ít phát sinh giao dịch bằng Hợp đồng, Phòng sẽ yêu cầu khách hàng bổ sung thêm các Hợp đồng giao dịch phù hợp với các chứng từ hiện hữu theo các giao dịch thanh toán của khách hàng và đối tác

+ Liên quan nội dung “Chi nhánh không xuất được dữ liệu lịch sử chấm điểm xếp hạng rủi ro tín dụng (CR Rank) cho khách hàng cá nhân trước khi trình hồ sơ cấp tín dụng”: tại thời điểm trình cấp thẩm quyền phê duyệt khoản cấp tín dụng/tái cấp thì Cán bộ thẩm định đã chấm điểm XHTD lên hệ thống và phản ánh kết quả từ hệ thống trình Cấp thẩm quyền tại Báo cáo thẩm định cấp tín dụng.

1. **Các vấn đề khác**

Để phục vụ cho quá trình lập báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chúng tôi có thể sẽ cần được cung cấp thêm một số thông tin và tài liệu phát sinh từ Chi nhánh, đoàn kiểm toán rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự hợp tác từ Chi nhánh.

Các tài liệu đính kèm theo biên bản này bao gồm:

* Phụ lục 1: Danh sách các khách hàng vay được xem xét
* Phụ lục 2: Danh sách các khoản vay đề nghị điều chỉnh TSBĐ
* Phụ lục 3: Danh sách các khoản vay đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu

Biên bản cuộc họp được lập thành bốn (04) bản, một (01) bản sẽ được lưu tại Chi nhánh, hai (02) bản sẽ gửi cho Trụ Sở Chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và một (01) bản gửi cho Công ty Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam.

**Kiên Giang, ngày 25 tháng 11 năm 2022**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đại diện Chi nhánh Kiên Giang** |  | **Đại diện Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam** | |
|  |  |  |  |
| **Ông Nguyễn Đức Đông**  Phó Giám Đốc Ngân hàng TMCP  Ngoại Thương – Chi nhánh Kiên Giang |  | **Bà Hoàng Thị Hồng Minh**  Giám đốc kiểm toán | **Ông Trần Nhật Duy**  Trưởng đoàn kiểm toán |
|  |  | Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam | |

**PHỤ LỤC 1: Danh sách khách hàng vay đã được xem xét**

| **CIF** | **Tên KH** | **Tổng dư nợ** | **Dư nợ ngắn hạn** | **Dư nợ dài hạn** | **Mục đích vay ngắn hạn** | **Mục đích vay dài hạn** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 436661 | TRAN THO THANG | 32.545.874.492 | - | 32.347.622.561 | Ko phát sinh | Thanh toán tiền mua nhà dự án |  |
| 689960 | NGUYEN THI NGOC MAI | 36.420.800.210 | 10.000.000.000 | 26.325.000.000 | Bổ sung vốn kinh doanh phụ liệu ngành tóc, móng tay móng chân và bán yến | Thanh toán tiền mua nhà và đất | Thiếu hợp đồng kinh tế, chỉ có Bảng kê thu mua hàng hóa, nhiều lần giải ngân trong cùng một tháng |
| 2127272 | DOAN PHU THINH | 20.025.000.000 | - | 20.025.000.000 | Ko phát sinh | Cho vay bù đắp tiền mua đất ở |  |
| 5235482 | NGUYEN THI PHUONG | 24.066.000.000 | - | 24.066.000.000 | Ko phát sinh | Thanh toán tiền mua nhà đất |  |
| 5589287 | NGUYEN THI THANH THAO | 24.624.900.000 | 7.200.000.000 | 17.424.900.000 | Bổ sung vốn lưu động kinh doanh trang trí nội thất văn phòng nội thật gia đình | Bù đắp thanh toán tiền mua nhà |  |
| 6794185 | MONG XUAN HOA | 20.200.000.000 | 7.000.000.000 | 13.200.000.000 | Bổ sung vốn mua bán hải sản | Mua đất ở |  |
| 6849503 | NGUYEN XUAN LAN | 27.326.800.000 | 10.000.000.000 | 17.326.800.000 | Bổ sung vốn kinh doanh yến | Mua đất, mua nhà, hoàn thiện nhà |  |
| 8710154 | MAI XUAN SON | 27.549.307.585 | 1.000.000.000 | 26.499.110.040 | Thanh toán chị phí hợp lý và hợp lệ bổ sung vốn kinh doanh gia công nhôm, sắt, inox | Xây dựng nhà ở (Bù đắp và thanh toán theo tiến độ) | Suy giảm khả năng trả nợ do có phát sinh quá hạn gốc trên 10 ngày (lịch: 1/2/2022 - thực trả đủ: 11/2/2022), trả gốc chậm (lịch: 1/11/2022 - thực trả đủ 9/11/2022 |
| 8927960 | CONG TY CO PHAN HOA GIANG PHU QUOC | 99.467.400.000 | - | 99.467.400.000 |  | Đầu tư dự án |  |
| 393197 | CONG TY CO PHAN KIEN HUNG | 12.435.420.617 | 8.018.184.287 | 4.417.236.330 | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 2211749 | CONG TY CO PHAN THUY SAN KIEN GIANG | 7.019.596.665 | 7.019.596.665 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 4883009 | CONG TY CP DT PHU CUONG KIEN GIANG | 29.900.000.000 | 29.900.000.000 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 20811941 | CONG TY TNHH DO GIA BAO | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 15493737 | CONG TY TNHH TOYOTA KIEN GIANG | 71.055.512.880 | - | 71.055.512.880 | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 264770 | CT CP BAO BI HA TIEN | 24.203.368.430 | 24.203.368.430 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 4180298 | CT CP CO KHI KIEN GIANG | 57.887.422.248 | 57.887.422.248 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 14887843 | CT CP DAU TU XAY DUNG TOAN LOC | 40.473.600.000 | - | 40.473.600.000 | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 436538 | CT CP TAP DOAN TU VAN DAU TU XAY DUNG KG | 34.262.792.098 | 27.262.792.098 | 7.000.000.000 | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 264822 | CT CP THUONG MAI KIEN GIANG | 171.506.701.841 | 171.506.701.841 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 3001560 | CT CP THUY SAN TAC CAU | 1.002.400 | 1.002.400 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 264806 | CT CP XUAT NHAP KHAU KIEN GIANG | 147.412.065.720 | 147.412.065.720 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 3442753 | CT TNHH 1TV TIEN TRIEN | 21.100.000.000 | 21.100.000.000 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 8661232 | CT TNHH DOAN THINH PHU | 29.965.000.000 | 29.965.000.000 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 17118476 | CT TNHH GO HUNG THAI | 26.529.056.799 | 26.529.056.799 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 12699005 | CT TNHH HOA BINH MINH KIEN GIANG | 92.487.284.684 | 64.137.284.684 | 28.350.000.000 | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 604569 | CT TNHH HUY NAM | 926.004 | 926.004 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 8735719 | CT TNHH KIM QUANG KIEN GIANG | 24.800.000.000 | 24.000.000.000 | 800.000.000 | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 20929519 | CT TNHH KINH DOANH NUOC MAM HUYNH KHOA | 20.000.000.000 | 12.100.000.000 | 7.900.000.000 | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 9960581 | CT TNHH MTV NOI THAT DAI THE THANH | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 9734681 | CT TNHH MTV XD TM HUYNH LOAN | 22.000.000.000 | 22.000.000.000 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 7519446 | CT TNHH THUY SAN AOKI | 12.257.377.249 | 3.369.947.944 | 8.887.429.305 | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 4367906 | CT TNHH TM HONG THAI | 21.930.214.133 | 21.930.214.133 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 4367920 | CT TNHH TM THAI HOA | 36.000.000.000 | 36.000.000.000 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 10677111 | CT TNHH TRUNG VY PHAT | 22.909.416.523 | 22.909.416.523 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 8210754 | CT TNHH TRUONG PHAT | 37.986.547.280 | 37.986.547.280 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 5721443 | CT TNHH XANG DAU KIEN GIANG | 51.450.000.000 | 42.000.000.000 | 9.450.000.000 | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
| 23954694 | CTY TNHH XNK THUY SAN QUANG PHU | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 | - | Bổ sung vốn lưu động, sản xuất kinh doanh |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |